

Bản án số: 23/2023/HS-ST

Ngày 11-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bình,

Ông Đoàn Văn Nam.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên toà:
Bà Phạm Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Mai Văn T, sinh ngày 02/8/19xx tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn T1, sinh năm 19xx và bà Lương Thị T2, sinh năm 19xx; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

2. Vũ Văn P, sinh ngày 01/01/19xx tại Hải Phòng; đăng ký HKTT: Thôn T, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Th, sinh năm 1943 và bà Lương Thị P (đã chết); có vợ là Vũ Thị M, sinh năm 19xx và 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 30/01/2023; đến ngày 02/02/2023 chuyển tạm giam; ngày 01/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, có mặt.

3. Vũ Văn S, sinh ngày 24/02/19xx tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn G (đã chết) và Nguyễn Thị S, sinh năm 1968; có vợ là Lương Thị Th,

sinh năm 1992 và 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 30/01/2023, ngày 02/02/2023 chuyển tạm giam, đến ngày 01/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, có mặt.

4. Vũ Văn N, sinh ngày 10/7/19xx tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn S, sinh năm 19xx và bà Phạm Thị Ph, sinh năm 19xx; có vợ là Lương Thị M, sinh năm 19xx và 02 con (con lớn sinh năm 2008 con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

5. Vũ Văn S1, sinh ngày 02/02/19xx tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C, sinh năm 19xx và bà Vũ Thị T, sinh năm 19xx; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx và 01 con sinh năm 20xx; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

6. Đoàn Văn S2, sinh ngày 21/9/19xx tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn B, sinh năm 19xx và bà Vũ Thị T, sinh năm 19xx; có vợ là Ngọc Thị G, sinh năm 19xx và 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

7. Vũ Văn Đ, sinh ngày 18/10/19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Th, sinh năm 19xx và Lương Thị P (đã chết); có vợ là Vũ Thị L, sinh năm 1982 và 03 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

8. Vũ Văn P1, sinh ngày 03/11/19xx tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn P, sinh năm 19xx và Vũ Thị V, sinh năm 19xx; có vợ là Mai Thị M, sinh năm 19xx và 04 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 30/01/2023, ngày 02/02/2023 chuyển tạm giam, đến ngày 01/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, có mặt.

9. Vũ Văn T1, sinh ngày 18/10/19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H, sinh năm 19xx và Vũ Thị H, sinh năm 19xx; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 19xx và 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự:

Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/3/2023; ngày 18/3/2023 chuyển tạm giam; đến ngày 29/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như S1u:

Trưa ngày 01/01/2023, Mai Văn T, Vũ Văn N, Vũ Văn S1, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ, Vũ Văn T1, Vũ Văn S, Vũ Văn P, Vũ Văn P1 đi ăn cỗ liên hoan tân gia tại nhà ông Vũ Văn Phong, sinh năm 1970 ở Thôn T, xã V, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (cạnh nhà ở của T). Do biết T ở một mình nên S1u khi ăn cỗ xong các bị cáo N, P, S, S1, S2, Đ, P1, T1 đến nhà T chơi và tự ý rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Dụng cụ dùng để đánh bạc gồm 01 bát sứ, 01 đĩa sứ có sẵn tại nhà T, 04 quân vị do N cắt từ quân bài tú lơ khơ. Cách thức đánh xóc đĩa là người cầm cái cho 04 quân vị hình tròn có hai mặt khác màu vào đĩa, úp bát lên rồi xóc, S1u đó đặt bát, đĩa xuống để những người tham gia đánh bạc đặt tiền cược theo hai cửa chẵn, lẻ. S1u khi đặt tiền xong, người cầm cái mở bát để kiểm tra xác định cửa chẵn là có 02 hoặc 04 quân vị có màu giống nhau còn cửa lẻ là có 01 quân vị có màu khác với những quân vị còn lại. Căn cứ vào kết quả xóc quân vị người cầm cái sẽ thu tiền của người chơi đặt cửa S1i kết quả, trả tiền thắng cho người chơi đặt cửa đúng kết quả với tỷ lệ bằng số tiền người chơi đặt cược. Khi bắt đầu đánh bạc, P cầm cái, S1u khoảng 30 phút thì P thua hết tiền nên S thay P cầm cái để mọi người đánh bạc. Cả nhóm quy ước mỗi ván đánh bạc số tiền đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng và không giới hạn về mức cao nhất. Các bị cáo đánh bạc được một lúc thì T về nên N đứng ra thu của N, P, S, S1, S2, Đ mỗi bị cáo 20.000 đồng, tổng cộng là 120.000 đồng đưa cho T nhờ T mua chè, thuốc phục vụ cho những người đánh bạc. T cầm tiền, đứng xem mọi người đánh bạc nên chưa kịp đi mua nước. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, T có ý định đánh bạc và đang rút tiền trong túi ra để đặt cược thì Công an huyện Tiên Lãng phát hiện, bắt quả tang Mai Văn T, Vũ Văn N, Vũ Văn S1, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ; còn Vũ Văn T1, Vũ Văn S, Vũ Văn P, Vũ Văn P1 bỏ chạy; thu giữ dưới chiếu bạc số tiền 6.990.000 đồng (trong đó thu của N 3.900.000 đồng; thu của S1 2.010.000 đồng; thu của S2 700.000 đồng; thu của T 350.000 đồng, gồm 120.000 đồng là tiền mua nước còn lại là tiền của T; thu của Đ 30.000 đồng) và 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn. Ngày 16/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Lãng ra quyết định truy nã đối với T1, S, P, P1.

Ngày 30/01/2023 và ngày 15/3/2023, S, P, P1, T1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Lãng đầu thú, S giao nộp 470.000 đồng là tiền S sử dụng đánh bạc, T1 giao nộp 200.000 đồng là tiền T1 sử dụng đánh bạc.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trên và khai: S1u khi ăn liên hoan xong N, P, S, S1, S2, Đ, P1, T1 tới nhà T chơi và tự ý rủ nhau đánh bạc. Trong khi các bị cáo đang đánh bạc thì T về. Tuy N, do nể nang nên T đã để cho các bị cáo này đánh bạc tại nhà mình và đứng xem các bị cáo đánh bạc. Việc đánh bạc của các bị cáo là tự phát, không có ai đứng ra tổ chức, rủ

rê, lôi kéo người khác đến đánh bạc. Khoảng 14 giờ 30 phút, T có ý định đánh bạc nhưng chưa kịp đặt cược thì bị Công an huyện Tiên Lãng phát hiện, bắt quả tang các bị cáo về hành vi đánh bạc. Vũ Văn P dùng khoảng 500.000 đồng để đánh bạc, bị thua hết; Vũ Văn P1 dùng khoảng 270.000 đồng để đánh bạc, bị thua hết; Vũ Văn S dùng khoảng 500.000 đồng để đánh bạc, bị thua 30.000 đồng, khi bỏ chạy cầm theo 470.000 đồng; Vũ Văn N dùng khoảng 2.700.000 đồng để đánh bạc, thắng được 1.200.000 đồng; Vũ Văn S1 dùng 1.010.000 đồng để đánh bạc, thắng được 1.000.000 đồng, Đoàn Văn S2 dùng 700.000 đồng để đánh bạc, không thắng, không thua; Vũ Văn Đ dùng 530.000 đồng để đánh bạc, bị thua 500.000 đồng; Vũ Văn T1 dùng 200.000 đồng để đánh bạc, không thắng, không thua, khi bỏ chạy cầm theo 200.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 7.660.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 24/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng truy tố Mai Văn T, Vũ Văn N, Vũ Văn S1, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P1, Vũ Văn S, Vũ Văn T1 và Vũ Văn P đồng phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố các bị cáo Mai Văn T, Vũ Văn N, Vũ Văn S1, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P1, Vũ Văn S, Vũ Văn T1 và Vũ Văn P đồng phạm tội Đánh bạc.

Về hình phạt chính: Căn cứ khoản 1 Điều 321; Đ i, s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với Vũ Văn P, Vũ Văn S), Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Vũ Văn N từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng. Vũ Văn S1, Vũ Văn S, Vũ Văn P từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Đ i, s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với Vũ Văn P1, Vũ Văn T1), Điều 36, Điều 17, Điều 58, xử phạt Mai Văn T, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ từ 15 đến 21 tháng Cải tạo không giam giữ; Vũ Văn P1, Vũ Văn T1, từ 12 đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho T, S2, Đ, P1, T1 do là lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định. Trừ cho T, S2, Đ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Trừ cho P1 30 ngày tạm giam bằng 90 ngày cải tạo không giam giữ. Trừ cho T1 14 ngày tạm giam bằng 42 ngày cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt bổ sung đối với Vũ Văn N, Vũ Văn S1 từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; các bị cáo Mai Văn T, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P1, Vũ Văn S, Vũ Văn T1 và Vũ Văn P, mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 7.660.000 đồng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị có đặc Đ như biên bản giao nhận vật chứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như S1u:

- Về tố tụng:

[1] Chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lãng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng cung cấp có trong hồ sơ vụ án đều đảm bảo hợp pháp; được thu thập, cung cấp đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về nội dung:

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Sự phù hợp đó chứng minh sự thật khách quan xảy ra vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 01/01/2023 tại nhà bị cáo Mai Văn T, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, Vũ Văn N, Vũ Văn S1, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P1, Vũ Văn S, Vũ Văn T1, Vũ Văn P và Mai Văn T đã cố ý cùng thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 7.660.000 đồng. Mai Văn T, mặc dù không thu lợi bất chính nhưng do nể nang nên khi biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình T không ngăn cản và còn đồng ý nhận tiền để đi mua chè, thuốc, nước giúp các bị cáo đánh bạc. Bản thân T thừa nhận có ý định thực hiện hành vi đánh bạc nhưng chưa kịp thực hiện thì bị Cơ quan Công an huyện Tiên Lãng phát hiện, bắt quả tang. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đồng phạm tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ Luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm về hành vi đánh bạc của các bị cáo mới đảm bảo cải tạo giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Mặc dù trong vụ án có nhiều đồng phạm tham gia, song là tự phát, không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, phân công vai trò giữa các bị cáo nên đây là đồng phạm giản đơn. Tuy N, căn cứ vào số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc thì Vũ Văn N sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo còn lại nên giữ vai trò chính. Bị cáo S1 sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn bị cáo P, S nhưng S, P lại trực tiếp cầm cái điều hành chiếu bạc nên xác định S1, S, P

giữ vai trò thứ hai ngang nhau. Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ sử dụng số tiền ngang nhau, ít hơn bị cáo N, S1 nhưng nhiều hơn bị cáo P1, T1; Mai Văn T mặc dù không thu lợi bất chính, chưa kịp thực hiện hành vi đánh bạc nhưng khi đi từ nhà đám về T thấy các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, T đã không ngăn cản mà còn nhận tiền mua chè, thuốc để phục vụ cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình nhưng chưa kịp đi mua nên T, S2, Đ giữ vai trò thứ ba ngang nhau; Vũ Văn P1, Vũ Văn T1 giữ vai trò thứ yếu.

[6] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Mai Văn T, Vũ Văn P, Vũ Văn S, Vũ Văn N, Vũ Văn S1, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P1 và Vũ Văn T1 đều không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Vũ Văn S, Vũ Văn P, Vũ Văn P1 và Vũ Văn T1 đều thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình.

[7] Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo Mai Văn T, Vũ Văn P, Vũ Văn S, Vũ Văn N, Vũ Văn S1, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P1 và Vũ Văn T1 đều không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành pháp luật tốt nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, bằng với mức khởi Đ mà Kiểm sát viên đề nghị đối với N, S1, S, P và mức hình phạt của N cao hơn S1, P, S. Áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T, S2, Đ, P1, T1; cho các bị cáo này cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương với mức hình phạt bằng mức hình phạt khởi Đ mà Kiểm sát viên đề nghị. Tuy N mức hình phạt của T, S2, Đ bằng nhau và cao hơn mức hình phạt của P1, T1 cũng đảm bảo cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Miễn khấu trừ thu nhập cho T, S2, Đ, P1, T1 do các bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy N, xét thấy các bị cáo N, T, P, S, S1, S2, Đ, P1, T1 đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình và đều có đơn đề nghị miễn hình phạt bổ sung được chính quyền địa phương xác nhận nên cần chấp nhận miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo là phù hợp.

[9] Về vật chứng: Xét thấy, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 7.660.000 đồng (đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

[10] Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Mai Văn T, Vũ Văn P, Vũ Văn S, Vũ Văn N, Vũ Văn S1, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ, Vũ

Văn P1 và Vũ Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Mai Văn T, Vũ Văn N, Vũ Văn P, Vũ Văn S, Vũ Văn S1, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P1 và Vũ Văn T1 đồng phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với Vũ Văn P, Vũ Văn S), Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt:

Vũ Văn N 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vũ Văn S1 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vũ Văn S 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vũ Văn P 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Vũ Văn N, Vũ Văn S1, Vũ Văn S, Vũ Văn P cho Ủy ban nhân dân xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như S1u:

“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác S2 và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo

vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.”

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với Vũ Văn P1, Vũ Văn T1); Điều 36; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt:

Mai Văn T 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho T 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, T còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với Mai Văn T.

Đoàn Văn S2 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho S2 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, S2 còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với Đoàn Văn S2.

Vũ Văn Đ 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho Đ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, Đ còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với Vũ Văn Đ.

Vũ Văn P1 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho P1 30 ngày tạm giam bằng 90 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, P1 còn phải chấp hành 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với Vũ Văn P1.

Vũ Văn T1 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho T1 14 ngày tạm giam bằng 42 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, T1 còn phải chấp hành 10 (Mười) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với Vũ Văn T1.

Thời Đ bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao Mai Văn T, Đoàn Văn S2, Vũ Văn P1, Vũ Văn T1, Vũ Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trong trường hợp người bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như S1u:

“1. Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không

được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác S2 và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án”.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Mai Văn T, Vũ Văn P, Vũ Văn S, Vũ Văn N, Vũ Văn S1, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P1 và Vũ Văn T1.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 7.660.000 (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bát, 01 đĩa và 04 quần vớ có đặc Đ như biên bản giao nhận vật chứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

4. Căn cứ Điều 123, Đ d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đối với các bị cáo: Mai Văn T, Vũ Văn P, Vũ Văn S, Vũ Văn N, Vũ Văn S1, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P1 và Vũ Văn T1.

5. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Mai Văn T, Vũ Văn P, Vũ Văn S, Vũ Văn N, Vũ Văn S1, Đoàn Văn S2, Vũ Văn Đ, Vũ Văn P1 và Vũ Văn T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu

thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Cơ quan CSĐT, CQTHAHS - Công an huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- PC 06, PC 10 Công an thành phố;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Huyền Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN -
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Văn Nam

Vũ Đức Bình

Phạm Thị Huyền Trang